

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17 – LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2025/DS-ST

Ngày: 30-9-2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản và tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Thương

2. Bà Nguyễn Thị Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Sang, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tốt - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 và 30 tháng 9 năm 2025, tại Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2025/TLST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2025 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tranh chấp đòi lại tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2025/QĐXXST-DS ngày 09/9/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2025/QĐST-DS ngày 24/9/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968 và ông Nguyễn Xuân Tr, sinh năm 1966; Cùng nơi thường trú: Tổ P, thôn Đ3, xã H, tỉnh L (Trước đây là Tổ P, thôn U, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh B); Địa chỉ liên hệ: Nhà số C đường số W, phường L1, Thành phố H2 (Trước đây là Nhà số C đường số W, phường Ph, thành phố Th, Thành phố H2).

Ông Tr chết ngày 28/02/2025 theo Giấy chứng tử số 08/2025 ngày 07/3/2025.

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Xuân Tr:

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968; nơi thường trú: Tổ P, thôn Đ3, xã H, tỉnh L (Trước đây là Tổ P, thôn U, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh B).

2. Ông Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1992;

3. Bà Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1991;

4. Bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, sinh năm 1995;

5. Ông Nguyễn Xuân Đ4, sinh năm 2000;

6. Bà Nguyễn Thị Xuân Th1, sinh năm 2004;

Cùng thường trú: Thôn Đ3, xã H, tỉnh L (Trước đây là thôn U, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh B).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đồng thời là người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ4, bà Nguyễn Thị Xuân Th1:

1. Bà Hoàng Thị Bích Ng, sinh năm 1984; Thường trú: Tổ X, thôn N2, xã Đ8, tỉnh L (Trước đây là Tổ X, thôn G, xã N, huyện Đ1, tỉnh B); Địa chỉ liên hệ: Nhà số C đường số W, phường L1, Thành phố H2 (Trước đây là Nhà số C đường số W, phường Ph, thành phố Th, Thành phố H2).

2. Bà Nguyễn Ngọc Bảo K, sinh năm 2002; Thường trú: Xã Đ6, tỉnh L (Trước đây là thôn Ng, xã Th, huyện Đ3, tỉnh L); Địa chỉ liên hệ: Nhà số C đường số W, phường L1, Thành phố H2 (Trước đây là Nhà số C đường số W, phường Ph, thành phố Th, Thành phố H2).

Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 17/02/2025 và văn bản ủy quyền ngày 26/3/2025).

- Bị đơn: Bà Lê Thị Thúy H1, sinh năm 1977; nơi cư trú: Số X1 đường L2, thôn Đ7, xã H, tỉnh L (Trước đây là Số X1 L2, khu phố N8, thị trấn Đ2, huyện Đ1, tỉnh B).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Cao C, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Số X3 đường M, tổ X4, thôn M3, xã N1, tỉnh L (Trước đây là Số X3 đường M, tổ X4, thôn 1, xã M, huyện Đ1, tỉnh B); địa chỉ liên hệ: Số X5 đường G, phường T, Thành phố H1 (Trước đây là Số X5 đường G, phường T, quận T2, Thành phố H2), là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 24/3/2025).

Bà Ng có mặt khi xét xử và khi tuyên án, ông C có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng. Bà H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bà K vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/12/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Hoàng Thị Bích Ng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Thông qua quen biết, bà Lê Thị Thúy H1 có vay mượn tiền của bà Nguyễn Thị H và chồng là ông Nguyễn Xuân Tr. Việc vay mượn được thực hiện nhiều lần và có ghi nhận lại trong Giấy mượn tiền có chữ ký xác nhận của bà Lê Thị Thúy H1. Cụ thể như sau:

Ngày 30/9/2021, bà Lê Thị Thúy H1 mượn số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Ngày 30/11/2021, bà Lê Thị Thúy H1 mượn thêm số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng). Ngày 30/01/2022, bà Lê Thị Thúy H1 mượn thêm số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Tổng số

tiền bà Lê Thị Thúy H1 đã mượn vợ chồng bà H là 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng).

Ngày 30/01/2023, bà Lê Thị Thúy H1 có trả bớt một phần tiền nợ là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) và ngày 01/6/2023, bà H1 tiếp tục trả bớt một phần tiền nợ là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Đến nay, bà Lê Thị Thúy H1 vẫn còn nợ vợ chồng bà H số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

Ngoài số tiền vay mượn trên, ngày 28/04/2022, vợ chồng bà H còn bán cho bà Lê Thị Thúy H1 đất ruộng có trị giá 320.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi triệu đồng) và bà H1 còn thiếu lại số tiền 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng).

Tổng số tiền nợ bà Lê Thị Thúy H1 phải trả cho vợ chồng bà H là 640.000.000 đồng (Sáu trăm bốn mươi triệu đồng).

Vợ chồng bà Nguyễn Thị H đã yêu cầu bà H1 trả nợ nhiều lần, tuy nhiên bà H1 luôn hứa hẹn hết lần này đến lần khác, trốn tránh không trả tiền. Vì vậy, vợ chồng bà Nguyễn Thị H đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng xem xét giải quyết các yêu cầu sau:

- Buộc bà Lê Thị Thúy H1 trả lại cho vợ chồng bà Nguyễn Thị H:

- + Số tiền nợ gốc là 640.000.000 đồng (Sáu trăm bốn mươi triệu đồng).

- + Số tiền lãi tính từ ngày 01/06/2023 đến ngày 18/02/2025 với mức lãi suất 10%/năm trên khoản tiền nợ gốc là 111.822.222 (Một trăm mười một triệu tám trăm hai mươi hai nghìn hai trăm hai mươi hai đồng).

Tổng số tiền phải trả là: 751.822.222 đồng (Bảy trăm năm mươi một triệu tám trăm hai mươi hai nghìn hai trăm hai mươi hai đồng).

*** Tại bản tự khai ngày 09/9/2025, bà Ng trình bày:**

- + Về nội dung khởi kiện trong Đơn khởi kiện ngày 17/12/2024: Đến nay, số tiền vay mà bà Lê Thị Thúy H1 còn nợ vợ chồng bà H là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

Ngoài số tiền vay mượn trên, ngày 28/04/2022, vợ chồng bà H còn bán cho bà Lê Thị Thúy H1 đất ruộng có trị giá 320.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi triệu đồng), bà H1 còn thiếu số tiền đất ruộng trên là 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng). Sau đó, bà H1 đã xin cản trừ khoản nợ khác của người quen của bà H vào khoản tiền bán đất 290.000.000 đồng chưa trả. Chính vì vậy, khi khởi kiện, nguyên đơn nể tình cảm quen biết nên chỉ yêu cầu bà H1 trả số tiền bán đất còn thiếu là 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng). Tuy nhiên, đến nay, nhận thấy bà Lê Thị Thúy H1 không có thiện chí trả tiền, các bên không thể thỏa thuận được với nhau về việc thanh toán các khoản nợ nên nguyên đơn không đồng ý cản trừ khoản nợ cho người quen vào khoản tiền bán đất bà H1 còn nợ, giữ nguyên số tiền bán đất ruộng bà H1 phải trả cho nguyên đơn là 290.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi triệu đồng).

Tổng số tiền bà Lê Thị Thúy H1 phải trả cho nguyên đơn là 790.000.000 đồng (Bảy trăm chín mươi triệu đồng).

Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị Thúy H1 trả lại cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 790.000.000 đồng (Bảy trăm chín mươi triệu đồng).

Ngoài ra, bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm trên số tiền nợ gốc tính đến ngày xét xử. Nguyên đơn sẽ trình bày số tiền lãi cụ thể khi có lịch xét xử.

+ Về yêu cầu phản tố của bị đơn ngày 24/03/2025:

Thứ nhất, nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu phản tố buộc nguyên đơn trả lại cho bà Lê Thị Thúy H1 số tiền 168.000.000 đồng nêu trong "Đơn khởi kiện về việc đưa ra yêu cầu phản tố của bị đơn" ngày 24/3/2025 của bà Lê Thị Thúy H1, vì đây là yêu cầu không có căn cứ. Bởi lẽ, số tiền 918.000.000 đồng mà bà Lê Thị Thúy H1 xác định là tổng số tiền đã trả cho bà Nguyễn Thị H cho khoản tiền nợ gốc 750.000.000 đồng là không chính xác.

Cụ thể trong đó: Các khoản tiền bà H1 chuyển khoản cho bà H vào các ngày 15/4/2022 là để thanh toán khoản nợ khác. Khoản tiền chuyển khoản ngày 05/9/2022, ngày 11/10/2022, ngày 01/11/2022, ngày 01/12/2022, ngày 17/7/2023 là để thanh toán khoản nợ 100.000.000 đồng mà bà Lê Thị Thúy H1 mượn nguyên đơn vào ngày 28/4/2022, không liên quan đến khoản nợ nguyên đơn yêu cầu trong Đơn khởi kiện ngày 17/12/2024.

Thứ hai, riêng đối với khoản tiền 600.000.000 đồng mà bà H1 trình bày đã trả cho nguyên đơn ngày 12/4/2022, nguyên đơn có ý kiến như sau: Ngày 08/4/2022, bà Lê Thị Thúy H1 đã nhận từ ông Nguyễn Xuân Tr số tiền là 1.400.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm triệu đồng). Ngày 12/4/2022, bà H1 đã chuyển số tiền 600.000.000 đồng vào tài khoản của bà Nguyễn Thị H (khoản tiền nêu trong đơn yêu cầu phản tố) để cân trừ vào số tiền đã nhận từ ông Tr nêu trên và bà Lê Thị Thúy H1 vẫn còn nợ nguyên đơn 800.000.000 đồng. Như vậy, khoản tiền 600.000.000 đồng mà bà H1 trình bày trong đơn phản tố cũng không liên quan đến khoản nợ nguyên đơn đề cập trong Đơn khởi kiện ngày 17/12/2024.

*** Tại phiên tòa, bà Ng trình bày:**

+ Nguyên đơn rút phần yêu cầu giải quyết buộc bà H1 trả số tiền nợ mua đất theo đơn khởi kiện là 140.000.000 đồng, vì hiện nay, quan hệ tranh chấp Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất này đang được Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng thụ lý giải quyết bằng 01 vụ án khác.

+ **Đối với yêu** cầu trả tiền vay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc bà Lê Thị Thúy H1 trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 500.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 02/6/2023 đến ngày xét xử theo mức lãi suất 10%/năm là 132.465.753 đồng. Tổng số tiền buộc bà H1 phải trả là 632.465.753 đồng.

+ Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, như nguyên đơn đã trình bày trước đây không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn. Những số tiền bị đơn chuyển khoản vào số tài khoản tại Ngân hàng Agribank cho bà Nguyễn Thị H, gồm:

Ngày 15/4/2022, số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) là để thanh toán cho khoản nợ khác;

Ngày 05/9/2022, số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng); ngày 11/10/2022, số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng); ngày 01/11/2022, số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng); ngày 01/12/2022, số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng); ngày 17/7/2023 số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) là để thanh toán cho khoản nợ 100.000.000 đồng mà bà H1 mượn nguyên đơn vào ngày 28/4/2022.

Ngày 12/4/2022, số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) là để trả nợ cho khoản tiền 1.400.000.000 đồng mà trước đó vào ngày 08/4/2022 ông Nguyễn Xuân Tr đã chuyển khoản cho bà Lê Thị Thúy H1.

Như vậy, tất cả những lần bà H1 chuyển khoản cho bà H như trên đều không liên quan đến việc trả nợ cho khoản tiền vay mà nguyên đơn khởi kiện trong vụ án.

Bên cạnh đó, trong 02 lần trả tiền được ghi trong giấy mượn, bà H1 đều ghi là “trả bớt”, có nghĩa là bà H1 xác định tại thời điểm trả tiền vẫn còn nợ bà H và đây chỉ là trả bớt số tiền nợ.

- Tại các bản tự khai ngày 25/3/2025, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ4, bà Nguyễn Thị Xuân Th1 trình bày: Các ông, bà thống nhất từ chối nhận toàn bộ quyền tài sản, quyền và nghĩa vụ khác trong vụ án này, giao toàn bộ quyền tài sản cùng với quyền và nghĩa vụ khác liên quan đến vụ án cho bà H quyết định.

Tại bản tự khai ngày 30/6/2025, bà Hoàng Thị Bích Ng và bà Nguyễn Ngọc Bảo K là người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ4, bà Nguyễn Thị Xuân Th1 trình bày: Thống nhất ý kiến với những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr về việc họ từ chối nhận toàn bộ quyền tài sản, quyền và nghĩa vụ khác (bao gồm quyền nhận hoàn trả tiền tạm ứng án phí) trong vụ án và giao toàn bộ quyền tài sản, cùng với quyền và nghĩa vụ khác liên quan đến vụ án nêu trên cho nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H.

- **Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/02/2025, bị đơn bà Lê Thị Thúy H1 trình bày:** Bà H1 và bà H có giao dịch mua bán đất ruộng của bà H1 với giá thỏa thuận là 7.000.000.000 đồng (Bảy tỷ đồng). Khi giao dịch, bà H có giao trước cho bà H1 khoản tiền là 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng), hai bên có ký giấy tờ và hợp đồng công chứng về việc chuyển nhượng đất. Tuy nhiên, bà H nói vì chưa đủ tiền nên không viết giấy đặt cọc mà chuyển qua viết giấy mượn; vì chỗ quen biết và tin tưởng rằng hai bên sẽ chuyển nhượng được đất nên bà H1 đồng ý. Đến ngày 23/03/2022, hai bên có ra Văn phòng công chứng để hủy hợp

đồng đặt cọc đất trên với lý do bà H không đủ tiền để thanh toán, bà H1 có đồng ý thương lượng trả lại tiền cọc trên cho bà H. Ngày 30/01/2023, bà H1 có trả cho bà H số tiền 150.000.000 đồng. Ngày 01/6/2023, bà H1 tiếp tục trả cho bà H số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Ngày 30/8/2023, bà H1 trả cho bà H số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) tại ngân hàng Vietinbank. Ngày 30/10/2023, bà H1 có trả cho bà H1 (chị ruột bà H) số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), chính bà H dẫn bà H1 xuống để lấy lại tiền. Hiện, số tiền bà H1 nợ bà H là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Ngoài ra, bà H1 và bà H có thực hiện việc mua bán ruộng thửa đất số 54, tờ bản đồ số 07, tọa lạc xã Đức Tín, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận vào ngày 25/4/2022, với giá là 320.000.000 đồng. Ngày 25/4/2022, bà H đã hoàn tất thủ tục sang tên thửa đất trên cho bà H1 và nhận đủ số tiền là 320.000.000 đồng, có ký giấy nhận đủ tiền. Ngày 28/4/2022, bà H1 nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền yêu cầu đo đạc thì phát hiện thửa đất trên tranh chấp, không tiến hành đo đạc hay sang nhượng được. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của bà H, ông Tr thì bà H1 không đồng ý, chính xác hiện nay bà H1 còn thương lượng trả lại tiền cọc cho bà H là 200.000.000 đồng. Bà H1 sẽ làm đơn và gửi các tài liệu chứng cứ cho Tòa án sau.

*** Tại đơn phản tố đề ngày 24/3/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Thị Thúy H1 và người đại diện hợp pháp là ông Trần Cao C trình bày:**

+ **Đối với nội dung liên quan đến vụ án:** Theo đơn khởi kiện, vợ chồng bà H yêu cầu tòa án giải quyết buộc bà H1 có trách nhiệm thanh toán cho vợ chồng bà H số tiền 740.444.444 đồng (bảy trăm bốn mươi triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi bốn đồng). Trong đó 640.000.000 đồng (Sáu trăm bốn mươi triệu đồng) tiền nợ gốc và 100.444.444 đồng (Một trăm triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi bốn đồng) tiền lãi tính từ ngày 01/06/2023 với mức lãi suất 10%/năm. Bà H1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện nêu trên của vợ chồng bà H. Bà H1 trình bày cụ thể quá trình vay mượn và trả nợ như sau:

- Ngày 30/9/2021, bà H1 có mượn của vợ chồng bà H số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

- Ngày 30/11/2021, bà H1 có mượn của vợ chồng bà H số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng).

- Ngày 30/01/2022, bà H1 có mượn của vợ chồng bà H số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Như vậy tổng số tiền mà bà H1 đã mượn của vợ chồng bà H trong 03 đợt nêu trên là 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng).

Tuy nhiên bà H1 đã tiến hành trả số tiền đã mượn cho vợ chồng bà H tổng cộng 09 đợt như sau:

- Đợt 01: Ngày 12/4/2022, bà H1 trả cho vợ chồng bà H số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) bằng hình thức chuyển khoản cho số tài khoản của bà H mở tại Ngân hàng Agribank, Chi nhánh huyện Đức Linh.

- Đợt 02: Ngày 15/4/2022, bà H1 trả cho vợ chồng bà H số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) bằng hình thức chuyển khoản cho số tài khoản của bà H mở tại Ngân hàng Agribank, Chi nhánh huyện Đức Linh.

- Đợt 3: Ngày 05/9/2022, bà H1 trả cho vợ chồng bà H số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) bằng hình thức chuyển khoản cho số tài khoản của bà H mở tại Ngân hàng Agribank, Chi nhánh huyện Đức Linh.

- Đợt 4: Ngày 11/10/2022, bà H1 trả cho vợ chồng bà H số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) bằng hình thức chuyển khoản cho số tài khoản của bà H mở tại Ngân hàng Agribank, Chi nhánh huyện Đức Linh.

- Đợt 5: Ngày 01/11/2022, bà H1 trả cho vợ chồng bà H số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) bằng hình thức chuyển khoản cho số tài khoản của bà H mở tại Ngân hàng Agribank, Chi nhánh huyện Đức Linh.

- Đợt 6: Ngày 01/12/2022, bà H1 trả cho vợ chồng bà H số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) bằng hình thức chuyển khoản cho số tài khoản của bà H mở tại Ngân hàng Agribank, Chi nhánh huyện Đức Linh.

- Đợt 7: Ngày 30/01/2023, bà H1 trả cho vợ chồng bà H số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) bằng tiền mặt và được ghi vào mặt sau giấy mượn tiền mà bà H1 và bà H đã lập trước đó. Giấy mượn tiền này đã được vợ chồng bà H giao nộp cho tòa án trong quá trình khởi kiện.

- Đợt 8: Ngày 01/6/2023, bà H1 trả cho vợ chồng bà H số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) bằng tiền mặt và được ghi tiếp theo phía sau khoản tiền trả nợ vào ngày 30/01/2023.

- Đợt 9: Ngày 17/7/2023, bà H1 tiếp tục trả cho vợ chồng bà H số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) bằng hình thức chuyển khoản cho số tài khoản của bà H mở tại Ngân hàng Agribank, Chi nhánh huyện Đức Linh.

Như vậy tổng số tiền mà bà H1 đã trả cho vợ chồng bà H trong 09 đợt nêu trên là 918.000.000 đồng (Chín trăm mười tám triệu đồng).

Đối chiếu với số tiền mà bà H1 đã mượn của vợ chồng bà H là 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng), thì bà H1 đã trả thừa cho vợ chồng bà H số tiền 168.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi tám triệu đồng).

+ Đối với yêu cầu khởi kiện của vợ chồng bà H: Trong đơn khởi kiện ngày 17/12/2024, vợ chồng bà H nêu: "Ngoài số tiền vay mượn trên, ngày 28/04/2022, chúng tôi còn bán cho bà Lê Thị Thúy H1 đất ruộng có trị giá là 320.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi triệu đồng) và bà H1 còn thiếu tôi tiền đất ruộng trên là 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng)."

Nội dung tranh chấp này bà Lê Thị Thuý Hồng đã tiến hành khởi kiện bà Nguyễn Thị H tại Tòa án nhân dân khu vực 17- Lâm Đồng. Vụ án đang được Tòa án nhân dân khu vực 17 - Lâm Đồng thụ lý giải quyết tại hồ sơ vụ án dân sự số 120/2025/TLST-DS ngày 08/4/2025 về việc "tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất". Do đó bà H1 đề nghị Tòa án không xem xét nội dung nêu trên của vợ chồng bà H trong vụ án này.

Vì những nội dung trình bày ở trên, bà H1 yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây: Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Xuân Tr phải liên đới trả lại cho bà H1 số tiền 168.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi tám triệu đồng) mà bà H1 đã thanh toán thừa trong quá trình trả nợ cho vợ chồng bà H.

*** Tại phiên tòa, ông Trần Cao C trình bày:**

+ Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì số tiền 750.000.000 đồng bà H1 mượn của bà H, ông Tr thông qua các Giấy mượn tiền đã được bà H1 trả hết. Thể hiện bằng các lần chuyển khoản mà bị đơn đã trình bày và cung cấp chứng từ giao dịch, các chứng từ này đều được đại diện nguyên đơn thừa nhận bà H thực tế đã nhận tổng số tiền chuyển khoản 668.000.000 đồng. Cộng với hai lần trả tiền được bà H1 ghi trực tiếp trong giấy mượn số tiền 250.000.000 đồng, như vậy số tiền bà H1 trả cho bà H dư 168.000.000 đồng và đã được bị đơn có yêu cầu phản tố đối với số tiền 168.000.000 đồng này. Về nội dung ghi “*trả bớt*” trong 02 lần trả tiền ngày 30/01/2023 và ngày 01/6/2023 là do giữa bà H1 và bà H là chỗ quen biết, nên việc viết giấy mượn tiền mang tính hình thức, vì vậy bà H1 hời hợt và không quan trọng đối với nội dung ghi trong giấy, ví dụ như trong giấy ngày 01/6/2023, ở số tiền bà H1 ghi 100.000 đồng nhưng trong ngoặc lại ghi một trăm triệu đồng. Bên cạnh đó, vì thời gian mượn tiền kéo dài và nhiều lần nên bà H1 không nhớ rõ đã mượn và trả bao nhiêu tiền, vì vậy trả tiền cho bà H bị dư, đến khi bà H khởi kiện thì bà H1 mới đối chiếu chứng từ chuyển khoản thì biết là bị dư.

Về nội dung yêu cầu trả tiền tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hiện nay đang được Tòa án nhân dân khu vực 17 - Lâm Đồng thụ lý giải quyết tại vụ án dân sự số 120/2025/TLST-DS ngày 08/4/2025 về việc "tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất". Do đó bà H1 đề nghị Tòa án không xem xét nội dung nêu trên của vợ chồng bà H trong vụ án này.

+ Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn: Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Xuân Tr trả cho bị đơn số tiền 168.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi tám triệu đồng) mà bà H1 đã thanh toán thừa trong quá trình trả nợ cho vợ chồng bà H. Không yêu cầu tính lãi.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng:

+ Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn đồng thời là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr; bà Hoàng Thị Bích Ng là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đồng thời là người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ4, bà Nguyễn Thị Xuân Th1, ông Trần Cao C là người đại diện hợp pháp của bị đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Bà H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bà Nguyễn Ngọc Bảo K là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đồng thời là người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ4, bà Nguyễn Thị Xuân

Th1 đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 24/9/2025 và ngày 29/9/2025 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H, bà K là đúng quy định.

+ Về nội dung khởi kiện của nguyên đơn: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, giữa nguyên đơn và bị đơn có quan hệ mượn tiền theo các Giấy mượn tiền ngày 30/9/2021, số tiền đã mượn là 250.000.000 đồng; Giấy mượn tiền 30/11/2021 số tiền 450.000.000 đồng; ngày 30/01/2022 số tiền 50.000.000 đồng, tổng cộng 750.000.000 đồng. Nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận việc bà H1 đã trả cho bà H, ông Tr được số tiền 250.000.000 đồng, gồm: ngày 30/01/2023 trả 150.000.000 đồng, ngày 01/6/2023 trả 100.000.000 đồng. Như vậy, số tiền còn nợ lại là 500.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu buộc bà H1 trả cho bà H, ông Tr số tiền 140.000.000 đồng tiền nợ mua đất, các bên đều thừa nhận nội dung này liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà hiện nay đang được Tòa án nhân dân khu vực 17 - Lâm Đồng thụ lý giải quyết tại vụ án dân sự số 120/2025/TLST-DS ngày 08/4/2025 về việc "tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất", thông nhất không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét về nội dung này.

+ Về yêu cầu phản tố của bị đơn: Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền 500.000.000 đồng thể hiện tại các Giấy mượn tiền. Bằng các lần chuyển khoản mà bị đơn đã trình bày và cung cấp chứng từ giao dịch, các chứng từ này đều được đại diện nguyên đơn thừa nhận bà H thực tế đã nhận tổng số tiền chuyển khoản 668.000.000 đồng. Như vậy số tiền bà H1 trả cho bà H dư 168.000.000 đồng nên bị đơn có yêu cầu phản tố đối với số tiền này. Tuy nhiên, bị đơn không chứng minh được các giao dịch chuyển tiền này có liên quan đến việc trả nợ, các chứng từ chuyển khoản không ghi nội dung chuyển tiền cho việc gì, nguyên đơn cũng không thừa nhận các chứng từ để trả cho số tiền như nguyên đơn khởi kiện mà để trả cho các khoản tiền khác. Nếu cho rằng các chứng từ chuyển khoản để trả cho số tiền nợ thì tại sao không được ghi vào sổ ký nhận mà chỉ ghi số tiền 250.000.000 đồng vào sổ. Đồng thời sau khi có các chứng từ chuyển khoản thì bà H1 trực tiếp 02 lần trả tiền và đều ghi là "trả bớt", điều này không hợp lý. Từ đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Về lãi suất: Theo các Giấy mượn tiền đều không thỏa thuận về lãi suất và thời hạn trả. Như vậy, đây là hợp đồng vay không thỏa thuận lãi suất, không kỳ hạn. Việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi với mức 10%/năm là phù hợp. Nguyên đơn cho rằng vì có thông báo trước nên bà H1 mới thực hiện việc trả tiền vào ngày 30/01/2023 và ngày 01/6/2023, tuy nhiên nguyên đơn không có gì chứng minh có thông báo cho bà H1. Theo quy định tại Điều 469 Bộ luật dân sự 2015 thì *"...bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào..."*. Yêu cầu buộc bị đơn thanh toán lãi theo mức lãi suất 10%/năm từ ngày 02/6/2025 đến ngày xét xử là không phù hợp mà chỉ có thể yêu cầu trả lãi tính từ ngày thụ lý đơn khởi kiện là ngày 17/01/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn ông Tr thống nhất từ chối nhận toàn bộ quyền tài sản, quyền và nghĩa vụ khác trong vụ án này, giao toàn bộ quyền tài sản cùng với quyền và nghĩa vụ khác liên quan đến vụ án cho bà H quyết định.

Đề nghị Tòa án chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà H1 phải trả tiền vay cho bà H, ông Tr số tiền 500.000.000 đồng và tiền lãi 10%/năm tính từ ngày thụ lý đơn khởi kiện là ngày 17/01/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền lãi tính từ ngày 02/6/2023 đến ngày 16/01/2025.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn đối với nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn đồng thời là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr; bà Hoàng Thị Bích Ng là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đồng thời là người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ4, bà Nguyễn Thị Xuân Th1, ông Trần Cao C là người đại diện hợp pháp của bị đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Bà H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bà Nguyễn Ngọc Bảo K là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đồng thời là người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ4, bà Nguyễn Thị Xuân Th1 đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 24/9/2025 và ngày 29/9/2025 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H, bà K là đúng quy định.

[1.2] Về tư cách tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr chết ngày 28/02/2025 theo Giấy chứng tử số 08/2025 ngày 07/3/2025. Theo bản tường trình quan hệ nhân thân; bản sao Giấy chứng tử số 26/2010, quyền số 01/2010 do Ủy ban nhân dân xã Đ cấp ngày 25/10/2010 và bản sao Giấy khai sinh số 473 ngày 14/12/2018 của ông Nguyễn Xuân Tr do nguyên đơn nộp, thì mẹ ông Tr là bà Nguyễn Thị B1 và cha là ông Nguyễn Tr3 đã chết. Như vậy, căn cứ vào 05 bản sao Giấy khai sinh do Ủy ban nhân dân xã Đ cấp và Giấy chứng nhận kết hôn số 235, quyền số 01 ngày 28/02/1989 do Ủy ban nhân dân xã Đ cấp thì hàng thừa kế thứ nhất của ông Tr gồm vợ là bà Nguyễn Thị H và 05 người con ruột là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ4, bà Nguyễn Thị Xuân Th1. Do đó, Tòa án đưa những người này vào tham gia tố tụng với tư cách người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Tr.

[2] Về nội dung khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Nguyên đơn yêu cầu giải quyết buộc bà Lê Thị Thúy H1 có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 02/6/2023 đến ngày 29/9/2025 theo mức lãi suất 10%/năm là 132.465.753 đồng. Tổng số tiền buộc bà H1 phải trả là 632.465.753 đồng.

Nộp kèm là 01 Bản chính Giấy mượn tiền có 03 nội dung mượn tiền vào ngày 30/9/2021; ngày 30/11/2021 và ngày 30/01/2022 và 02 nội dung trả tiền vào ngày 30/01/2023; ngày 01/6/2023.

[2.2] Theo nội dung các Giấy mượn tiền thì ngày 30/9/2021, bà H1 đã mượn bà H số tiền là 250.000.000 đồng; ngày 30/11/2021 bà H1 đã mượn bà H số tiền là 450.000.000 đồng; ngày 30/01/2022 bà H1 đã mượn bà H số tiền 50.000.000 đồng, các giấy này đều được bà Lê Thị Thúy H1 ký tên, ghi rõ họ tên bên dưới từng lần mượn.

Căn cứ vào các Giấy mượn tiền trên cùng sự thừa nhận của đại diện nguyên đơn và đại diện bị đơn, thì giữa hai bên có quan hệ mượn tiền vào 03 thời điểm trên, tổng số tiền bà H1 đã mượn bà H là 750.000.000 đồng.

[2.3] Mặc dù trong nội dung mượn ngày 30/9/2021 có chữ ký của ông Hứa Khánh Vinh và ngày 30/11/2021 có chữ ký của ông Hứa Thạch Thông, nhưng quá trình tố tụng các bên đều không đề cập đến và tại phiên tòa đều xác nhận việc mượn tiền không liên quan đến ông Vinh và ông Thông, vì vậy Tòa án không tiến hành đưa các ông này vào tham gia tố tụng trong vụ án.

Đại diện nguyên đơn bà Ng cho rằng các khoản tiền cho bà H1 mượn đều là tài sản chung của bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Xuân Tr trong thời kỳ hôn nhân. Nguyên đơn chỉ yêu cầu cá nhân bà Lê Thị Thúy H1 chịu trách nhiệm trả tiền mà không yêu cầu ai khác phải cùng chịu trách nhiệm, đại diện bị đơn cũng thừa nhận đây là việc cá nhân của bà H1 với bà H, ông Tr. Chồng bà H1 đã chết từ năm 2000. Vì vậy, việc ông Tr, bà H khởi kiện cá nhân bà H1 là phù hợp.

[2.4] Theo nội dung thể hiện phía sau Giấy mượn tiền có 02 khoản tiền được bà H1 ghi trả cho bà H, cụ thể: Ngày 30/01/2023, đã trả số tiền 150.000.000 đồng và ngày 01/6/2023, đã trả số tiền 100.000.000 đồng. Đại diện nguyên đơn và đại diện bị đơn đều thừa nhận 02 nội dung trả tiền này. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh được quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu phản tố của bị đơn: Bị đơn yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Xuân Tr trả cho bị đơn số tiền 168.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi tám triệu đồng) mà bà H1 đã thanh toán thừa trong quá trình trả nợ cho vợ chồng bà H. Không yêu cầu tính lãi.

Nộp kèm là 07 chứng từ giao dịch có đóng mộc đỏ của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận vào ngày 12/4/2022, ngày 15/4/2022, ngày 05/9/2022, ngày 11/10/2022, ngày 01/11/2022, ngày 01/12/2022, ngày 17/7/2023.

[3.1] Theo nội dung các chứng từ giao dịch thì bà Lê Thị Thúy H1 có số tài khoản 4813222249999 tại Ngân hàng Agribank có chuyển khoản cho bà Nguyễn Thị H có số tài khoản 4813205234420 tại Ngân hàng Agribank như sau: Ngày 12/4/2022, số tiền 600.000.000 đồng; ngày 15/4/2022, số tiền 20.000.000 đồng; ngày 05/9/2022, số tiền 15.000.000 đồng; ngày 11/10/2022, số tiền 8.000.000 đồng; ngày 01/11/2022, số tiền 10.000.000 đồng; ngày 01/12/2022, số tiền 8.000.000 đồng; ngày 17/7/2023 số tiền 7.000.000 đồng. Tất cả các giao dịch đều không ghi nội dung chuyển khoản. Tổng số tiền bà H1 đã chuyển khoản là 668.000.000 đồng.

[3.2] Đại diện nguyên đơn thừa nhận những giao dịch này là có thật và tài khoản số 4813205234420 tại Ngân hàng Agribank của bà H có nhận được những số tiền trên. Tuy nhiên, đại diện nguyên đơn không thừa nhận các giao dịch chuyển tiền này là để trả nợ số tiền 750.000.000 đồng cho nguyên đơn như bị đơn trình bày.

Theo đại diện nguyên đơn, giao dịch ngày 12/4/2022, số tiền 600.000.000 đồng là để trả nợ cho khoản tiền 1.400.000.000 đồng mà trước đó vào ngày 08/4/2022 ông Nguyễn Xuân Tr đã chuyển khoản cho bà Lê Thị Thúy H1. Nguyên đơn cung cấp 01 ủy nhiệm chi ngày 08/4/2022 có đóng mộc đỏ của Ngân hàng Agribank thể hiện ông Nguyễn Xuân Tr số tài khoản 4813205311805 tại Ngân hàng Agribank có chuyển vào tài khoản của bà Lê Thị Thúy H1 số tài khoản 4813222249999 tại Ngân hàng Agribank số tiền 1.400.000.000 đồng, không ghi nội dung chuyển tiền.

[3.3] Đại diện nguyên đơn cũng trình bày, giao dịch ngày 15/4/2022, số tiền 20.000.000 đồng là để thanh toán cho khoản nợ khác; giao dịch ngày 05/9/2022, số tiền 15.000.000 đồng, ngày 11/10/2022, số tiền 8.000.000 đồng, ngày 01/11/2022, số tiền 10.000.000 đồng, ngày 01/12/2022, số tiền 8.000.000 đồng, ngày 17/7/2023 số tiền 7.000.000 đồng là để thanh toán cho khoản nợ 100.000.000 đồng mà bà H1 mượn nguyên đơn vào ngày 28/4/2022.

[3.4] Nhận thấy, 07 chứng từ giao dịch do bị đơn cung cấp không ghi nội dung chuyển khoản, không thể hiện rõ mục đích chuyển tiền. Nguyên đơn cho rằng là để trả những khoản nợ khác, bị đơn cho rằng để trả cho khoản tiền 750.000.000 đồng mà nguyên đơn khởi kiện, nhưng cả nguyên đơn và bị đơn đều không có căn cứ nào chứng minh cho trình bày của mình đúng, không chứng minh được tính liên quan của 07 chứng từ giao dịch này với 01 số tiền nợ nào.

[3.5] Bên cạnh đó, theo thời gian hiển thị trên các giao dịch chuyển khoản, thì có 06 giao dịch đều được thực hiện trước ngày 30/01/2023. Tổng số tiền của 06 chứng từ này là 661.000.000 đồng. Tổng số tiền bà H1 mượn bà H là 750.000.000 đồng. Nếu cho rằng các chứng từ giao dịch để trả cho khoản vay 750.000.000 đồng, thì tính đến ngày 29/01/2023, bà H1 còn nợ bà H là 89.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến ngày 30/01/2023, bà H1 trả cho bà H 150.000.000 đồng nhưng lại ghi là “*trả bớt*”, nghĩa là vẫn còn nợ tiền, nhưng tính ra đã là trả dư tiền. Đến ngày 01/6/2023, bà H1 lại tiếp tục “*trả bớt*” 100.000.000 đồng. Từ đó nhận thấy các chứng từ này không phải để trả cho khoản vay 750.000.000 đồng.

Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn buộc bà H và ông Tr trả số tiền 168.000.000 đồng cho bà H1.

[4] Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ4, bà Nguyễn Thị Xuân Th1 đều trình bày từ chối nhận toàn bộ quyền tài sản, quyền và nghĩa vụ khác trong vụ án này, giao toàn bộ quyền tài sản cùng với quyền và nghĩa vụ khác liên quan đến vụ án cho bà H quyết định.

Như vậy, bà Lê Thị Thúy H1 có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc 500.000.000 đồng cho bà H là phù hợp. Từ đó xác định, việc bà H, ông Tr khởi kiện yêu cầu bà H1 thanh toán số tiền nợ là có cơ sở theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về lãi suất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nội dung các Giấy mượn tiền không thỏa thuận tính lãi, không hẹn thời gian trả tiền. Như vậy, đây là quan hệ vay tiền không có lãi suất, không kỳ hạn. Vì bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, do đó, việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ là phù hợp.

[5.1] Nguyên đơn yêu cầu bà H1 trả tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 02/06/2023 đến ngày 29/9/2025 (966 ngày) trên khoản tiền nợ 500.000.000 đồng là 132.465.753 đồng.

Đại diện nguyên đơn cho rằng bà H có thông báo với bà H1 về việc phải trả tiền nên ngày 30/01/2023 và ngày 01/6/2023 bà H1 mới thực hiện việc trả tiền cho nguyên đơn, vì vậy, nguyên đơn yêu cầu tính lãi kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả tiền là ngày 02/6/2023. Tuy nhiên, đại diện nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh cho việc bà H có thông báo với bà H1 trước ngày 30/01/2023. Bên cạnh đó, Điều 469 Bộ luật dân sự 2015 quy định *“Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý...”*.

[5.2] Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định lãi suất phát sinh đối với số nợ gốc chậm trả kể từ ngày Tòa án nhận đơn khởi kiện ngày 17/01/2025 đến ngày xét xử là ngày 29/9/2025 theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự (10%/năm, tương đương 0,83%/tháng) như sau:

$500.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 08 \text{ tháng} (01 \text{ tháng} = 30 \text{ ngày}) 16 \text{ ngày} = 35.413.333 \text{ đồng}.$

Như vậy, số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu chưa phù hợp với quy định tại Điều 357, Điều 468, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015. Chỉ chấp nhận phần tiền lãi là 35.413.333 đồng. Không có căn cứ chấp nhận phần yêu cầu số tiền lãi 97.052.420 đồng.

[6] Về lãi suất theo yêu cầu phản tố của bị đơn đối với nguyên đơn: Bị đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có yêu cầu rút phần nội dung khởi kiện về việc buộc bà Lê Thị Thúy H1 trả số tiền 140.000.000 đồng liên quan đến quan hệ chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Nhận thấy, trong vụ án, Tòa án chưa thụ lý phần yêu cầu kiện đòi tài sản này của nguyên đơn, đồng thời, theo Thông báo thụ lý số 120/2025/TLST-DS ngày 08/4/2025 về việc "tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" thì nội dung về số tiền này đang được thụ lý giải quyết bằng vụ án khác, điều này được đại diện nguyên đơn và bị đơn thừa nhận và đồng ý không giải quyết nội dung số tiền này trong vụ án. vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết yêu cầu này trong vụ án là có cơ sở.

[8] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn bà Lê Thị Thúy H1, không chấp nhận phần yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn số tiền 97.052.420 đồng. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn đối với nguyên đơn.

Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về yêu cầu phản tố của bị đơn.

[9] Về tạm ứng án phí: Thời điểm đóng tạm ứng án phí, bà H và ông Tr cùng đóng. Tuy nhiên, ngày 28/02/2025, ông Tr chết. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Tr cùng người đại diện hợp pháp của họ trình bày từ chối nhận toàn bộ quyền tài sản, quyền và nghĩa vụ khác (bao gồm quyền nhận hoàn trả tiền tạm ứng án phí) trong vụ án và giao toàn bộ quyền tài sản, cùng với quyền và nghĩa vụ khác liên quan đến vụ án nêu trên cho nguyên đơn bà H. Vì vậy, tiền tạm ứng án phí do nguyên đơn đóng sẽ được trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, tuy nhiên, số tiền này sẽ được khấu trừ ứng với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận, bà Lê Thị Thúy H1 phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận và yêu cầu phản tố không được chấp nhận, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 74, 92, 144, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Các Điều 166, Điều 357, 463, 466, 468, 469, Điều 609, Điều 614 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Xuân Tr đối với bị đơn bà Lê Thị Thúy H1 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Lê Thị Thúy H1 có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị H số tiền 535.413.333 đồng (Năm trăm ba mươi lăm triệu bốn trăm mười ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng), gồm: Tiền gốc 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng); tiền lãi 35.413.333 đồng (Ba mươi lăm triệu bốn trăm mười ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

2. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Xuân Tr đối với bị đơn bà Lê Thị Thúy H1 đối với số tiền lãi 97.052.420 đồng (Chín mươi bảy triệu không trăm năm mươi hai nghìn bốn trăm hai mươi đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Lê Thị Thúy H1 đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Xuân Tr về Tranh chấp đòi lại tài sản.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị H phải chịu 4.852.621 đồng (Bốn triệu tám trăm năm mươi hai nghìn sáu trăm hai mươi một đồng) án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 16.808.000 đồng (Mười sáu triệu tám trăm lẻ tám nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005167 ngày 05 tháng 02 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 17 – Lâm Đồng (Trước đây là Chi cục thi hành án Dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận). Trả lại cho bà H số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 11.955.379 đồng (Mười một triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn ba trăm bảy mươi chín đồng).

- Bà Lê Thị Thúy H1 phải chịu 33.816.533 đồng (Ba mươi ba triệu tám trăm mười sáu nghìn năm trăm ba mươi ba đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 4.200.000 đồng (Bốn triệu hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005346 ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 17 – Lâm Đồng (Trước đây là Chi cục thi hành án Dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận). Bà H1 còn phải chịu 29.616.533 đồng (Hai mươi chín triệu sáu trăm mười sáu nghìn năm trăm ba mươi ba đồng).

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa hoặc có mặt khi xét xử nhưng vắng mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Dương sự (2);
- VKSND KV 17 – Lâm Đồng (1);
- Phòng THADS KV 17 – Lâm Đồng (1);
- TAND tỉnh Lâm Đồng (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Mỹ Dung